



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
1	Đặng Thị Hoàng Anh	17/08/1992	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	6	Đạt	
2	Dương Thị Châu	17/02/1989	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	-	Không đạt	
3	Đinh Thị Lệ Giang	17/05/1996	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	6	Đạt	
4	Hoàng Thị Hiền	20/06/1993	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	6	Đạt	
5	Hồ Thị Minh	19/11/1996	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	6	Đạt	
6	Biện Thị Kim Phượng	13/05/1991	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục học	6	Đạt	
7	Phạm Thị Thanh Bình	24/07/2003	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
8	Hoàng Bích Giang	05/01/2002	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
9	Nguyễn Quỳnh Hương	25/07/2002	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
10	Kiều Vũ Diệu Linh	02/08/2002	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
11	Huỳnh Bá Nghĩa	02/02/1991	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	-	Không đạt	
12	Nguyễn Đặng Yên Phương	09/12/2002	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
13	Đinh Thị Diễm Quỳnh	22/01/2003	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
14	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/06/2003	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
15	Hồ Thị Tú Uyên	08/11/2003	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
16	Nguyễn Duy Vinh	01/02/2003	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học	15	Đạt	
17	Nguyễn Thị Lượng	16/02/1989	Giáo dục học Chuyên ngành: Giáo dục mầm non	20	Đạt	
18	Thái Thị Mỹ Dung	10/11/1997	Lý luận và PPDHBM Toán học	9	Đạt	
19	Nguyễn Thị Miên	12/09/1985	Lý luận và PPDHBM Toán học	9	Đạt	
20	Vũ Thị Thảo	06/03/1990	Lý luận và PPDHBM Tin học	9	Đạt	
21	Đàm Thị Lan Anh	06/01/1998	Lý luận và PPDHBM Vật lý	9	Đạt	
22	Nguyễn Thùy Lan	21/02/1992	Lý luận và PPDHBM Vật lý	9	Đạt	
23	Phạm Thị Anh Thư	21/12/1999	Lý luận và PPDHBM Sinh học	9	Đạt	
24	Nguyễn Thị Hồng Liên	03/10/2003	Lý luận và PPDHBM Ngữ văn	9	Đạt	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
25	Đỗ Hoàng Tường Vy	15/04/1998	Lý luận và PPDHBM Địa lý	9	Đạt	
26	Nguyễn Trung Đức	04/05/1995	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
27	Nguyễn Việt Dũng	28/07/2001	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
28	Nguyễn Thu Hà	07/03/2001	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
29	Đoàn Ngọc Nhân	04/06/1991	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	-	Không đạt	
30	Tôn Nữ Phi Quỳnh	08/03/1990	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
31	Bùi Hữu Tam Thái	24/12/2000	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	-	Không đạt	
32	Đào Thị Phương Thanh	22/08/1983	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
33	Phan Thanh Uyên Thương	25/06/1999	Lý luận và PPDHBM Âm nhạc	9	Đạt	
34	Keosaly Si Amone	22/05/1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
35	Nguyễn Đức An	08/08/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
36	Nguyễn Hoàng Anh	09/09/1993	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
37	Lê Trần Ngọc Ánh	04/08/2002	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
38	Trương Lê Duy Bảo	12/04/1988	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
39	Nguyễn Thanh Bình	08/06/1988	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
40	Nguyễn Hữu Châu	31/05/1994	Quản lý giáo dục	6	Đạt	
41	Trần Băng Chi	20/06/1995	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
42	Nguyễn Hà Chi	07/10/1999	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
43	Lê Văn Chinh	01/06/1981	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
44	Trần Dân	01/01/1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
45	Võ Thị Xuân Diễm	08/05/2001	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
46	Lê Thị Kiều Diễm	20/10/1990	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
47	Trần Thị Ngọc Diễm	03/09/1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
48	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	26/01/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
49	Trần Thị Mỹ Diệp	04/08/2000	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
50	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/03/1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
51	Lê Văn Đính	15/03/1981	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
52	Hồ Anh Đức	28/09/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
53	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/06/1986	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
54	Phạm Thị Dung	30/04/1999	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
55	Phạm Thị Hải Dương	27/07/1987	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
56	Nguyễn Mỹ Duyên	12/07/1984	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
57	Nguyễn Trương Vỹ Hạ	02/08/1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
58	Nguyễn Thị Thảo Hà	14/12/1996	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
59	Nguyễn Thị Ngọc Hải	21/02/1976	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
60	Nguyễn Thị Ngọc Hải	25/10/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
61	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/07/1992	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
62	Trương Thị Thu Hằng	18/11/1991	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
63	Nguyễn Thị Hạnh	07/02/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
64	Lê Thị Hạnh	28/01/1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
65	Hoàng Thị Hậu	27/12/1984	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
66	Đặng Thị Ngọc Hiền	21/05/1996	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
67	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1995	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
68	Nguyễn Thị Diệu Hiền	04/09/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
69	Nguyễn Trọng Hiếu	24/03/1985	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
70	Phạm Thị Ngọc Hiếu	26/06/2000	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
71	Hà Thiên Hồ	15/05/1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
72	Ngụy Thị Như Hoa	17/12/1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
73	Nguyễn Thị Ánh Hồng	05/07/1999	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
74	Bùi Thị Ngọc Huệ	03/03/1977	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
75	Hoàng Thị Hương	17/04/1988	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
76	Lê Thị Hương	15/11/1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
77	Trần Thị Xuân Hương	09/04/1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
78	Đoàn Linh Hương	03/01/1996	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
79	Lê Xuân Khánh Huy	23/12/2002	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
80	Vũ Trần Phương Huyền	07/06/2000	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
81	Huỳnh Thị Huyền	12/08/1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
82	Thái Thị Thanh Huyền	15/04/1998	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
83	Bùi Thị Thanh Huyền	18/02/1995	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
84	Xaisana Khambai	25/03/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
85	Chanthamat Khanthala	04/02/1988	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
86	Dương Thị Xuân Kiều	06/02/1986	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
87	Tonkeo Korlakan	30/06/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
88	Keomala Korlakanh	30/01/1986	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
89	Bùi Thị Lệ	04/09/1994	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
90	Mai Khánh Linh	01/08/2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
91	Phạm Thị Hoài Linh	02/09/1986	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
92	Nguyễn Đình Lơ	01/07/1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
93	Phạm Thị Hồng Loan	06/12/1986	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
94	Nguyễn Văn Lượng	22/08/1994	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
95	Nguyễn Thị My Ly	10/06/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
96	Phạm Thị Lý	03/02/1986	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
97	Phạm Thị Ly	24/10/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
98	Nguyễn Thị Xuân Mai	10/08/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
99	Phan Thanh Minh	03/04/1993	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
100	Lê Thị Thanh Minh	25/10/2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
101	Nguyễn Thị Thanh Mộng	08/08/1987	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
102	Hồ Thị Thùy Mộng	07/12/1988	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
103	Hồ Lê Ngọc Ngà	07/01/1999	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
104	Nguyễn Thị Nga	09/02/1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
105	Huỳnh Thị Thúy Nga	11/11/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
106	Lê Thị Nga	29/07/1957	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
107	Lê Thị Nga	08/04/1987	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
108	Đỗ Thị Ngân	27/08/1990	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
109	Phạm Thị Như Ngọc	28/07/1988	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
110	Nguyễn Thị Như Ngọc	13/01/1991	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
111	Võ Thị Kim Nguyên	20/10/1995	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
112	Nguyễn Trương Xuân Nguyệt	08/02/1995	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
113	Mai Thị Cẩm Nhung	12/12/1983	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
114	Đặng Thị Xuân Oanh	04/02/1980	Quản lý giáo dục	6	Đạt	
115	Phạm Phi Phụng	01/02/1987	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
116	Huỳnh Thị Phụng	01/01/1977	Quản lý giáo dục	6	Đạt	
117	Đặng Thu Phương	22/05/2000	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
118	Nguyễn Đình Quân	20/05/1986	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
119	Võ Thị Sang	10/02/1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
120	Phan Thị Kim Sinh	17/11/1995	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
121	Xaisana Sommay	01/11/1988	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
122	Nguyễn Thái Sơn	25/01/1998	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
123	Phanthongchan Soukbandit	14/07/1987	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
124	Joummaly Souksawai	24/04/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
125	Keo Ounheuan Sythanongsai	04/04/1987	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
126	Võ Thị Thắm	28/02/1997	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
127	Trương Công Thành	26/09/1991	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
128	Phạm Thị Thanh Thảo	23/01/1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
129	Phạm Thị Thu Thảo	30/08/2001	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
130	Y Zen Hlan Thảo	07/10/1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
131	Vernkham Thiengtavanh	09/10/1993	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
132	Lê Thị Thom	26/04/1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
133	Nguyễn Thị Ngọc Thư	22/02/1993	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
134	Nguyễn Quốc Anh Thư	05/11/1986	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
135	Huỳnh Thị Vy Tiên	24/02/1989	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
136	Phan Văn Tính	25/10/1984	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
137	Lê Thị Bích Trâm	22/10/1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
138	Nguyễn Thị Trang	17/07/2025	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
139	Hoàng Thị Minh Trang	20/10/2002	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
140	Võ Thị Thùy Trang	05/03/2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
141	Châu Thị Việt Trinh	29/08/1992	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
142	Nguyễn Thị Tú Trinh	13/06/1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
143	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	27/04/1993	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
144	Huỳnh Thị Thủy Trinh	28/08/1976	Quản lý giáo dục	9	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
145	Nguyễn Thị Việt Trinh	25/07/1992	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
146	Trần Thanh Tuyền	22/02/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
147	Trần Thị Thanh Tuyền	27/07/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
148	Nguyễn Thị Tuyết	04/03/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
149	Hà Thị Ánh Tuyết	10/06/1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
150	Y Uôn	16/07/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
151	Nguyễn Đặng Tố Uyên	19/05/1998	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
152	Vũ Thị Thảo Uyên	28/08/1998	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
153	Tô Thanh Vân	08/08/2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
154	Nguyễn Hồng Viễn	23/05/1995	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
155	Dương Phú Tuấn Vỹ	22/03/1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
156	Huỳnh Anh Vũ Vy	08/03/1992	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
157	Yuangyayia Xola	24/09/1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
158	Triệu Thị Kim Xuyên	06/04/1995	Quản lý giáo dục	-	Không đạt	
159	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	29/09/1988	Tâm lý học	23	Đạt	
160	Đào Thị Chinh	14/12/1989	Tâm lý học	23	Đạt	
161	Hồ Quách Triều Đông	19/07/1983	Tâm lý học	-	Không đạt	
162	Ngô Thị Thùy Dung	01/10/1989	Tâm lý học	23	Đạt	
163	Nguyễn Thị Hồng Gấm	06/05/1982	Tâm lý học	23	Đạt	
164	Trần Thị Lệ Giang	10/06/2000	Tâm lý học	23	Đạt	
165	Nguyễn Thị Hà	20/04/1985	Tâm lý học	23	Đạt	
166	Lê Thị Hải	05/03/1989	Tâm lý học	23	Đạt	
167	Trần Thị Hằng	12/08/1989	Tâm lý học	23	Đạt	
168	Nguyễn Thị Hằng	02/12/1997	Tâm lý học	23	Đạt	
169	Nguyễn Như Hào	06/07/1997	Tâm lý học	7	Đạt	
170	Cao Thị Thanh Hoa	12/05/1992	Tâm lý học	23	Đạt	
171	Bùi Thị Thu Hồng	17/11/1996	Tâm lý học	-	Không đạt	
172	Nguyễn Thị Hương	14/04/1990	Tâm lý học	23	Đạt	
173	Phạm Hữu Trung Kiên	25/12/1998	Tâm lý học	-	Không đạt	
174	Nguyễn Thị Mảng	10/08/1989	Tâm lý học	-	Không đạt	
175	Lê Thị Thu Ngân	02/10/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
176	Lê Viết Nghĩa	27/12/1984	Tâm lý học	23	Đạt	
177	Lê Minh Ngọc	26/09/2001	Tâm lý học	-	Không đạt	
178	Huỳnh Thị Kim Ngọc	01/12/2002	Tâm lý học	23	Đạt	
179	Dương Thị Thảo Nguyên	07/04/2000	Tâm lý học	23	Đạt	
180	Nguyễn Thị Nhạn	06/06/1990	Tâm lý học	23	Đạt	
181	Nguyễn Thị Phương	22/02/1991	Tâm lý học	23	Đạt	
182	Nguyễn Dạ Thảo	07/04/2002	Tâm lý học	23	Đạt	
183	Nguyễn Thị Anh Thư	24/03/1988	Tâm lý học	23	Đạt	
184	Nguyễn Hà Ngọc Vân	06/11/1989	Tâm lý học	23	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
185	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	02/10/1986	Quản lý tài nguyên và môi trường	3	Đạt	
186	Võ Thị Phương Loan	31/07/2003	Hệ thống thông tin	8	Đạt	
187	Trịnh Minh Châu	13/05/2002	Ngôn ngữ học	3	Đạt	
188	Hồ Thị Khánh Hoà	24/05/1998	Ngôn ngữ học	3	Đạt	
189	Bùi Thị Ngọc Thắm	17/01/2003	Ngôn ngữ học	3	Đạt	
190	Đoàn Nguyễn Nam Đắc Thịnh	29/11/1996	Ngôn ngữ học	3	Đạt	
191	Nguyễn Lê Minh Thương	28/07/1997	Ngôn ngữ học	3	Đạt	
192	Nguyễn Thị Mỹ Dung	08/06/2002	Văn học Việt Nam	5	Đạt	
193	Nguyễn Thị Thanh	12/11/1997	Văn học Việt Nam	5	Đạt	
194	Đỗ Thiện Thuần	04/09/2000	Văn học Việt Nam	5	Đạt	
195	Phạm Thị Thùy Linh	27/10/2002	Lịch sử Việt Nam	4	Đạt	
196	Nguyễn Kiều Ly Ly	02/08/2003	Lịch sử Việt Nam	4	Đạt	
197	Nguyễn Hoàng Ngọc	09/05/2003	Lịch sử Việt Nam	4	Đạt	
198	Lương Vĩnh Toàn	09/08/1998	Lịch sử Việt Nam	4	Đạt	
199	Nguyễn Thị Hậu	18/12/2002	Việt Nam học	6	Đạt	
200	Phan Thị Thanh Tâm	05/02/2002	Việt Nam học	6	Đạt	
201	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/02/2003	Việt Nam học	6	Đạt	
202	Lê Văn Cường	08/01/1979	Công tác xã hội	12	Đạt	
203	Phan Thị Hồng Huệ	07/07/1988	Công tác xã hội	12	Đạt	
204	Tôn Long Khoa	01/03/1982	Công tác xã hội	15	Đạt	
205	Phạm Hoa Lê	08/05/1980	Công tác xã hội	12	Đạt	
206	Trần Phương Mai	20/04/1993	Công tác xã hội	-	Không đạt	
207	Phan Thị Quỳnh Tiên	27/01/1977	Công tác xã hội	12	Đạt	
208	Nguyễn Trần Lan Nhi	29/04/2001	Công tác xã hội	12	Đạt	chưa xét tuyển
209	Đỗ Thị Ngọc Diệp	02/05/1983	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	
210	Phan Thị Thu Hà	09/08/1999	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	
211	Tôn Nữ Diệu Hạnh	28/04/1993	Giáo dục và phát triển cộng đồng	-	Không đạt	
212	Nguyễn Thế Khôi	07/10/2000	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	
213	Nguyễn Hữu Liêm	29/07/1997	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	

Ấn định danh sách có **213** học viên. Trong đó:

- Đạt: 182
- Không đạt: 31

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)



Văn Thị Ngọc Trâm

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TOÁN**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn	Phương pháp dạy học môn Toán ở trường trung học		
1	Thái Thị Mỹ Dung	10/11/1997	7.0	9.0	9.1	9	Đạt
2	Nguyễn Thị Miên	12/09/1985	7.0	9.1	9.0	9	Đạt

Ấn định danh sách có 02 học viên. Trong đó:

- Đạt: 2
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

phạm Quý Miên

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIN HỌC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn	Phân tích chương trình môn Tin học ở phổ thông		
1	Vũ Thị Thảo	06/03/1990	7.0	8.8	8.7	9	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tổng số TC	Kết quả
			Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	Hệ phân tán	Quy hoạch tuyến tính	Phân tích và thiết kế hệ thống		
1	Võ Thị Phương Loan	31/07/2003	9.0	9.0	7.0	9.3	8	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VẬT LÝ

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn	Phân tích chương trình môn Vật lý ở phổ thông		
1	Đàm Thị Lan Anh	06/01/1998	7.0	8.7	8.0	9	Đạt
2	Nguyễn Thùy Lan	21/02/1992	6.5	9.1	8.2	9	Đạt

Ấn định danh sách có 02 học viên. Trong đó:

- Đạt: 2
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Trưởng ngành SPN

Phùng Việt Hải

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức	Tổng số TC	Kết quả
			Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường		
1	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	02/10/1986	8.4	3	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)

Trích Đăng Mậu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN SINH HỌC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học (Chỉ dành cho ngành Sinh học, Sinh học ứng dụng)	Lý luận dạy học Sinh học	Phát triển chương trình môn Sinh học ở phổ thông		
1	Phạm Thị Anh Thư	21/12/1999	8.4	8.8	8.2	9	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Trịnh Đăng Mạnh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN NGỮ VĂN

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn	Phân tích chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông		
1	Nguyễn Thị Hồng Liên	03/10/2003	8.0	9.0	8.8	9	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức		Tổng số TC	Kết quả
			Phương pháp nghiên cứu khoa học (Văn học)	Dẫn luận lí luận văn học		
1	Nguyễn Thị Mỹ Dung	08/06/2002	8.8	9.5	5	Đạt
2	Nguyễn Thị Thanh	12/11/1997	9.2	9.0	5	Đạt
3	Đỗ Thiện Thuần	04/09/2000	9.0	9.0	5	Đạt

Ấn định danh sách có 03 học viên. Trong đó:

- Đạt: 3
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Trần Văn Sáng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức	Tổng số TC	Kết quả
			Dẫn luận ngôn ngữ học		
1	Trịnh Minh Châu	13/05/2002	8.7	3	Đạt
2	Hồ Thị Khánh Hoà	24/05/1998	9.2	3	Đạt
3	Bùi Thị Ngọc Thắm	17/01/2003	9.2	3	Đạt
4	Đoàn Nguyễn Nam Đặc Thịnh	29/11/1996	9.0	3	Đạt
5	Nguyễn Lê Minh Thương	28/07/1997	9.2	3	Đạt

Ấn định danh sách có 05 học viên. Trong đó:

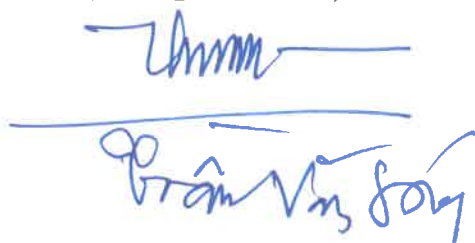
- Đạt: 5
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG
(Kí và ghi rõ họ tên)



Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Lịch sử Việt Nam đại cương	Văn hóa Đông Nam Á	Kinh tế du lịch		
1	Nguyễn Thị Hậu	18/12/2002	8.5	8.8	8.8 ✓	6	Đạt
2	Phan Thị Thanh Tâm	05/02/2002	8.6	8.7	8.8	6	Đạt
3	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/02/2003	8.5	8.9	8.9 ✓	6	Đạt

Ấn định danh sách có 03 học viên. Trong đó:

- Đạt: 3
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức		Tổng số TC	Kết quả
			Lịch sử Việt Nam đại cương	Phương pháp luận sử học		
1	Phạm Thị Thùy Linh	27/10/2002	8.9	8.3	4	Đạt
2	Nguyễn Kiều Ly Ly	02/08/2003	8.3	8.3	4	Đạt
3	Nguyễn Hoàng Ngọc	09/05/2003	8.1	8.3	4	Đạt
4	Lương Vĩnh Toàn	09/08/1998	9.0	8.5	4	Đạt

Ấn định danh sách có 04 học viên. Trong đó:

- Đạt: 4
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN ĐỊA LÝ

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Phân tích chương trình môn Địa lý ở trường phổ thông		
1	Đỗ Hoàng Tường Vy	15/04/1998	7.0 ✓	8.4 ✓	8.6 ✓	9	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Duy Phương

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Phân tích chương trình môn Âm nhạc ở trường phổ thông		
1	Nguyễn Trung Đức	04/05/1995	6.5	7.2	7.7	9	Đạt
2	Nguyễn Việt Dũng	28/07/2001	6.5	7.8	7.4	9	Đạt
3	Nguyễn Thu Hà	07/03/2001	6.5	7.8	7.4	9	Đạt
4	Đoàn Ngọc Nhân	04/06/1991	0.0	0.0	0.0	9	Không đạt
5	Tôn Nữ Phi Quỳnh	08/03/1990	7.0	8.2	8.4	9	Đạt
6	Bùi Hữu Tam Thái	24/12/2000	0.0	0.0	0.0	9	Không đạt
7	Đào Thị Phương Thanh	22/08/1983	6.5	7.4	8.1	9	Đạt
8	Phan Thanh Uyên Thương	25/06/1999	6.5	9.0	8.6	9	Đạt

Ấn định danh sách có 08 học viên. Trong đó:

- Đạt: 6
- Không đạt: 2

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Trịnh Quang Minh Đức

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Tâm lý học sư phạm tiểu học	Giáo dục học tiểu học	PP dạy học Toán tiểu học	Cơ sở tự nhiên - xã hội và PPDH	PPDH Tiếng Việt tiểu học		
1	Phạm Thị Thanh Bình	24/07/2003	8.4	8.9	6.8	8.8	8.0	15	Đạt
2	Hoàng Bích Giang	05/01/2002	6.7	8.0	7.4	8.2	7.4	15	Đạt
3	Nguyễn Quỳnh Hương	25/07/2002	6.6	7.9	7.1	8.4	6.9	15	Đạt
4	Kiều Vũ Diệu Linh	02/08/2002	7.2	7.4	6.9	8.2	7.7	15	Đạt
5	Huỳnh Bá Nghĩa	02/02/1991	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	15	Không đạt
6	Nguyễn Đặng Yến Phương	09/12/2002	7.5	8.1	7.6	8.6	7.2	15	Đạt
7	Đinh Thị Diễm Quỳnh	22/01/2003	8.6	8.8	7.1	8.8	7.0	15	Đạt
8	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/06/2003	8.4	8.8	6.6	8.3	7.2	15	Đạt
9	Hồ Thị Tú Uyên	08/11/2003	7.5	9.0	7.3	8.4	6.9	15	Đạt
10	Nguyễn Duy Vinh	01/02/2003	8.7	9.4	7.1	8.5	6.9	15	Đạt

Ấn định danh sách có 10 học viên. Trong đó:

- Đạt: 9
- Không đạt: 1

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Bay

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức							Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non	Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Tâm lý học - Giáo dục học mầm non	Giáo dục phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non	Giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ mầm non	Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non		
1	Nguyễn Thị Lượng	16/02/1989	8.0	8.4	9.0	7.9	7.0	8.0	7.5	20	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Bích

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức			Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học đại cương	Lý luận dạy học	Lý luận giáo dục		
1	Đặng Thị Hoàng Anh	17/08/1992	7.0	8.5	9.1	6	Đạt
2	Dương Thị Châu	17/02/1989	0.0	0.0	0.0	6	Không đạt
3	Đình Thị Lệ Giang	17/05/1996	7.0	8.7	9.2	6	Đạt
4	Hoàng Thị Hiền	20/06/1993	7.0	7.0	8.3	6	Đạt
5	Hồ Thị Minh	19/11/1996	7.0	7.8	8.6	6	Đạt
6	Biện Thị Kim Phượng	13/05/1991	7.0	8.3	8.2	6	Đạt

Ấn định danh sách có 06 học viên. Trong đó:

- Đạt: 5
- Không đạt: 1

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Nhập môn công tác xã hội	Công tác xã hội với cá nhân	Công tác xã hội với nhóm	Phát triển cộng đồng	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội		
1	Lê Văn Cường	08/01/1979	7.7	8.0	8.5	9.5		12	Đạt
2	Phan Thị Hồng Huệ	07/07/1988	9.0	8.9	9.0	8.8		12	Đạt
3	Tôn Long Khoa	01/03/1982	9.0	8.9	8.5	9.0	8.6	15	Đạt
4	Phạm Hoa Lê	08/05/1980	7.0	8.9	8.5	8.5		12	Đạt
5	Trần Phương Mai	20/04/1993	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	15	Không đạt
6	Phan Thị Quỳnh Tiên	27/01/1977	9.0	8.9	8.5	7.5		12	Đạt
7	Nguyễn Trần Lan Nhi	29/04/2001	9.2	8.9	9.0	8.5		12	Đạt

Ấn định danh sách có 07 học viên. Trong đó:

- Đạt: 6
- Không đạt: 1

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Tâm lý học phát triển	Giáo dục cộng đồng	Tâm lý học xã hội	Xã hội học đại cương	Giáo dục học đại cương		
1	Đỗ Thị Ngọc Diệp	02/05/1983	8.5	8.0	8.4	6.0	7.0	15	Đạt
2	Phan Thị Thu Hà	09/08/1999	8.5	7.5	6.2	8.4	6.8	15	Đạt
3	Tôn Nữ Diệu Hạnh	28/04/1993	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	15	Không đạt
4	Nguyễn Thế Khôi	07/10/2000	8.5	9.0	8.4	8.6	9.0	15	Đạt
5	Nguyễn Hữu Liêm	29/07/1997	7.5	9.0	9.2	8.7	8.5	15	Đạt

Ấn định danh sách có 05 học viên. Trong đó:

- Đạt: 4
- Không đạt: 1

LẬP BẢNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức											Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học đại cương	Tâm lý học giáo dục	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học xã hội	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học phát triển	Tâm lý học chẩn đoán	Tham vấn tâm lý	PP nghiên cứu chuyên ngành TLH	Tâm lý học nhân cách	Tâm lý học phát triển		
1	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	29/09/1988	8.0	8.7	8.7	8.8		8.0	8.0	8.8	8.4	8.0		23	Đạt
2	Đào Thị Chinh	14/12/1989	7.0	8.1	9.2	8.8		7.0	8.0	8.8	8.8	8.0		23	Đạt
3	Hồ Quách Triều Đồng	19/07/1983	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		23	Không đạt
4	Ngô Thị Thùy Dung	01/10/1989	7.9	8.5	7.1	9.2		7.0	8.0	9.0	8.4	7.7		23	Đạt
5	Nguyễn Thị Hồng Gấm	06/05/1982	7.0	8.7	8.0	9.1		7.0	8.5	9.3	8.8	7.7		23	Đạt
6	Trần Thị Lệ Giang	10/06/2000	6.8	8.5	7.4	8.7		8.0	8.0	9.0	8.0	8.0		23	Đạt
7	Nguyễn Thị Hà	20/04/1985	6.0	7.0	9.2	8.8		8.0	8.0	9.0	8.4	7.7		23	Đạt
8	Lê Thị Hải	05/03/1989	7.5	8.9	6.0	9.2		9.2	8.5	9.3	7.6	9.0		23	Đạt
9	Trần Thị Hằng	12/08/1989	8.2	8.3	6.3	9.3		7.0	8.5	9.5	8.0	7.7		23	Đạt
10	Nguyễn Thị Hằng	02/12/1997	7.5	8.7	7.5	6.5		8.0	8.0	7.5	7.6	8.3		23	Đạt
11	Nguyễn Như Hào	06/07/1997					9.5					8.0		7	Đạt
12	Cao Thị Thanh Hoa	12/05/1992	7.0	8.8	8.4	6.8		7.5	8.0	8.6	8.4	8.0		23	Đạt
13	Bùi Thị Thu Hồng	17/11/1996	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		23	Không đạt
14	Nguyễn Thị Hương	14/04/1990	8.0	8.9	8.6	8.8		9.2	8.0	8.9	8.8	8.3		23	Đạt
15	Phạm Hữu Trung Kiên	25/12/1998					0.0						0.0	7	Không đạt
16	Nguyễn Thị Mảng	10/08/1989	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		23	Không đạt
17	Lê Thị Thu Ngân	02/10/1994	7.0	8.8	8.8	9.2		7.0	8.5	9.2	8.0	7.7		23	Đạt



STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức											Tổng số TC	Kết quả
			Giáo dục học đại cương	Tâm lý học giáo dục	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học xã hội	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học phát triển	Tâm lý học chẩn đoán	Tham vấn tâm lý	PP nghiên cứu chuyên ngành TLH	Tâm lý học nhân cách	Tâm lý học phát triển		
18	Lê Việt Nghĩa	27/12/1984	7.0	8.1	8.3	8.8		7.5	8.0	8.3	7.6	7.7		23	Đạt
19	Lê Minh Ngọc	26/09/2001	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		23	Không đạt
20	Huỳnh Thị Kim Ngọc	01/12/2002	7.0	8.1	8.6	9.0		7.0	8.0	8.7	8.4	8.0		23	Đạt
21	Dương Thị Thảo Nguyên	07/04/2000	8.5	8.4	6.5	9.2		8.3	8.0	9.0	8.4	8.0		23	Đạt
22	Nguyễn Thị Nhạn	06/06/1990	7.5	8.6	8.6	9.5		8.0	8.5	9.5	8.4	8.0		23	Đạt
23	Nguyễn Thị Phương	22/02/1991	8.0	8.5	6.0	7.0		9.2	8.5	9.5	8.8	8.0		23	Đạt
24	Nguyễn Dạ Thảo	07/04/2002	7.0	8.8	9.2	9.0		8.5	8.0	8.7	8.0	8.0		23	Đạt
25	Nguyễn Thị Anh Thư	24/03/1988	7.5	8.7	6.0	8.2		8.0	8.5	8.8	8.0	8.0		23	Đạt
26	Nguyễn Hà Ngọc Vân	06/11/1989	7.0	9.4	9.0	8.7		8.7	8.0	9.2	8.8	8.0		23	Đạt

Ấn định danh sách có 26 học viên. Trong đó:

- Đạt: 21
- Không đạt: 5

LẬP BẢNG

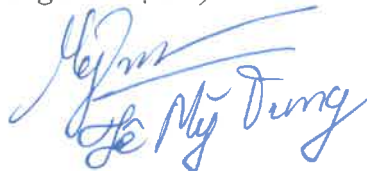
(Kí và ghi rõ họ tên)



Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025
PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Đức Mạnh





TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
1	Keosaly Si Amone	22/05/1985	7.0	7.7		8.2		9	Đạt
2	Nguyễn Đức An	08/08/1989	7.7	7.7		8.2		9	Đạt
3	Nguyễn Hoàng Anh	09/09/1993	7.7	8.0	9.0	8.7	7.0	16	Đạt
4	Lê Trần Ngọc Ánh	04/08/2002	8.0	8.3		8.7		9	Đạt
5	Trương Lê Duy Bảo	12/04/1988	7.7	7.5	8.6	8.5	8.0	16	Đạt
6	Nguyễn Thanh Bình	08/06/1988	7.7	7.7		9.0		9	Đạt
7	Nguyễn Hữu Châu	31/05/1994	8.0	7.5				6	Đạt
8	Trần Băng Chi	20/06/1995	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
9	Nguyễn Hà Chi	07/10/1999	8.0	8.0	7.6	8.2	7.5	16	Đạt
10	Lê Văn Chinh	01/06/1981	8.0	8.5		8.2		9	Đạt
11	Trần Dân	01/01/1982	7.3	8.0		8.2		9	Đạt
12	Võ Thị Xuân Diễm	08/05/2001	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
13	Lê Thị Kiều Diễm	20/10/1990	8.0	7.7	8.9	8.7	7.5	16	Đạt
14	Trần Thị Ngọc Diễm	03/09/1979	7.3	8.0		8.7		9	Đạt
15	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	26/01/1992	7.7	7.7		8.3		9	Đạt
16	Trần Thị Mỹ Diệp	04/08/2000	8.0	7.5		8.7		9	Đạt
17	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/03/1994	7.7	7.7		8.2		9	Đạt
18	Lê Văn Đình	15/03/1981	7.7	7.5		8.8		9	Đạt
19	Hồ Anh Đức	28/09/1989	7.7	7.7		8.5		9	Đạt

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
20	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/06/1986	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
21	Phạm Thị Dung	30/04/1999	7.7	8.0		8.0		9	Đạt
22	Phạm Thị Hải Dương	27/07/1987	7.7	7.7		8.0		9	Đạt
23	Nguyễn Mỹ Duyên	12/07/1984	8.0	7.7		8.7		9	Đạt
24	Nguyễn Trương Vũ Hạ	02/08/1983	8.0	7.7		8.5		9	Đạt
25	Nguyễn Thị Thảo Hà	14/12/1996	7.7	7.5		8.2		9	Đạt
26	Nguyễn Thị Ngọc Hải	21/02/1976	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
27	Nguyễn Thị Ngọc Hải	25/10/1992	7.7	7.7		8.5		9	Đạt
28	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/07/1992	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
29	Trương Thị Thu Hằng	18/11/1991	7.7	8.0	8.3	8.2	7.5	16	Đạt
30	Nguyễn Thị Hạnh	07/02/1990	8.0	7.0		7.5		9	Đạt
31	Lê Thị Hạnh	28/01/1979	7.7	8.3		8.7		9	Đạt
32	Hoàng Thị Hậu	27/12/1984	8.0	7.7		8.7		9	Đạt
33	Đặng Thị Ngọc Hiền	21/05/1996	7.7	8.0		8.2		9	Đạt
34	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1995	8.0	7.7		8.2		9	Đạt
35	Nguyễn Thị Diệu Hiền	04/09/1992	7.7	7.7		8.3		9	Đạt
36	Nguyễn Trọng Hiếu	24/03/1985	7.7	8.2	9.0	8.3	7.0	16	Đạt
37	Phạm Thị Ngọc Hiếu	26/06/2000	7.7	7.7	8.4	8.7	7.5	16	Đạt
38	Hà Thiên Hồ	15/05/1991	7.7	7.7		8.2		9	Đạt
39	Ngụy Thị Như Hoa	17/12/1991	7.7	8.0		8.2		9	Đạt
40	Nguyễn Thị Ánh Hồng	05/07/1999	8.0	7.7		8.2		9	Đạt
41	Bùi Thị Ngọc Huệ	03/03/1977	8.0	7.7		8.7		9	Đạt
42	Hoàng Thị Hương	17/04/1988	7.3	8.0		8.3		9	Đạt

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
43	Lê Thị Hương	15/11/1991	7.7	7.7		8.0		9	Đạt
44	Trần Thị Xuân Hương	09/04/1983	8.0	8.2		8.2		9	Đạt
45	Đoàn Linh Hương	03/01/1996	7.3	7.7	8.9	8.3	6.5	16	Đạt
46	Lê Xuân Khánh Huy	23/12/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
47	Vũ Trần Phương Huyền	07/06/2000	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
48	Huỳnh Thị Huyền	12/08/1982	7.7	8.0		8.2		9	Đạt
49	Thái Thị Thanh Huyền	15/04/1998	7.7	7.5		8.5		9	Đạt
50	Bùi Thị Thanh Huyền	18/02/1995	7.7	8.0		8.2		9	Đạt
51	Xaisana Khambai	25/03/1992	7.7	7.2		8.7		9	Đạt
52	Chanthamat Khanthala	04/02/1988	7.7	7.2		8.2		9	Đạt
53	Dương Thị Xuân Kiều	06/02/1986	8.0	8.0		8.5		9	Đạt
54	Tonkeo Korlakan	30/06/1990	7.7	7.5		8.3		9	Đạt
55	Keomala Korlakanh	30/01/1986	7.0	7.2		8.3		9	Đạt
56	Bùi Thị Lệ	04/09/1994	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
57	Mai Khánh Linh	01/08/2003	7.7	8.3		8.5		9	Đạt
58	Phạm Thị Hoài Linh	02/09/1986	7.7	8.0		8.2		9	Đạt
59	Nguyễn Đình Lơ	01/07/1985	7.7	7.5		7.7		9	Đạt
60	Phạm Thị Hồng Loan	06/12/1986	8.0	8.0		8.0		9	Đạt
61	Nguyễn Văn Lượng	22/08/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
62	Nguyễn Thị My Ly	10/06/1990	7.7	7.8		8.7		9	Đạt
63	Phạm Thị Lý	03/02/1986	7.3	7.7		8.0		9	Đạt
64	Phạm Thị Ly	24/10/1990	8.0	8.0		7.8		9	Đạt
65	Nguyễn Thị Xuân Mai	10/08/1990	8.0	8.0		8.5		9	Đạt

2023
 RỰC
 2023
 2023
 C Đ

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
66	Phan Thanh Minh	03/04/1993	8.0	7.5		8.0		9	Đạt
67	Lê Thị Thanh Minh	25/10/2003	8.0	7.5		7.7		9	Đạt
68	Nguyễn Thị Thanh Mộng	08/08/1987	7.7	7.7		8.0		9	Đạt
69	Hồ Thị Thùy Mộng	07/12/1988	8.0	8.0	8.8	8.2	6.5	16	Đạt
70	Hồ Lê Ngọc Ngà	07/01/1999	8.0	8.0		8.7		9	Đạt
71	Nguyễn Thị Nga	09/02/1990	8.0	8.5		8.2		9	Đạt
72	Huỳnh Thị Thúy Nga	11/11/1992	7.7	8.0		8.5		9	Đạt
73	Lê Thị Nga	29/07/1957	7.7	7.7		7.8		9	Đạt
74	Lê Thị Nga	08/04/1987	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
75	Đỗ Thị Ngân	27/08/1990	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
76	Phạm Thị Như Ngọc	28/07/1988	7.3	8.0	9.2	8.5	6.5	16	Đạt
77	Nguyễn Thị Như Ngọc	13/01/1991	8.0	8.0	8.9	8.3	7.0	16	Đạt
78	Võ Thị Kim Nguyên	20/10/1995	8.0	7.7	8.9	8.0	6.5	16	Đạt
79	Nguyễn Trương Xuân Nguyệt	08/02/1995	8.0	7.7		8.3		9	Đạt
80	Mai Thị Cẩm Nhung	12/12/1983	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
81	Đặng Thị Xuân Oanh	04/02/1980	8.0	8.2				6	Đạt
82	Phạm Phi Phụng	01/02/1987	7.3	8.0	9.2	8.5	7.0	16	Đạt
83	Huỳnh Thị Phụng	01/01/1977	7.7	7.8				6	Đạt
84	Đặng Thu Phương	22/05/2000	7.7	7.7		8.0		9	Đạt
85	Nguyễn Đình Quân	20/05/1986	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
86	Võ Thị Sang	10/02/1985	7.7	7.7		8.3		9	Đạt
87	Phan Thị Kim Sinh	17/11/1995	8.0	8.0		7.8		9	Đạt
88	Xaisana Sommay	01/11/1988	7.3	7.5		8.2		9	Đạt

12
 10C
 AM
 1NA

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
89	Nguyễn Thái Sơn	25/01/1998	8.0	7.5	9.0	8.2	8.0	16	Đạt
90	Phanthongchan Soukbandit	14/07/1987	7.0	7.5		8.3		9	Đạt
91	Joummaly Souksawai	24/04/1992	7.3	7.5		8.0		9	Đạt
92	Keo Ounheuan Sythanongsai	04/04/1987	7.0	7.7		8.2		9	Đạt
93	Võ Thị Thắm	28/02/1997	7.7	7.5		8.0		9	Đạt
94	Trương Công Thành	26/09/1991	8.0	8.0	8.8	8.0	6.0	16	Đạt
95	Phạm Thị Thanh Thảo	23/01/1994	7.3	8.0		8.2		9	Đạt
96	Phạm Thị Thu Thảo	30/08/2001	7.3	8.0	9.1	7.5	7.0	16	Đạt
97	Y Zen Hlan Thảo	07/10/1985	8.0	7.7		8.5		9	Đạt
98	Vernkham Thiengtavanh	09/10/1993	7.3	7.7		8.7		9	Đạt
99	Lê Thị Thơm	26/04/1994	7.3	8.0		8.2		9	Đạt
100	Nguyễn Thị Ngọc Thư	22/02/1993	7.7	7.7	8.6	8.2	7.0	16	Đạt
101	Nguyễn Quốc Anh Thư	05/11/1986	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
102	Huỳnh Thị Vy Tiên	24/02/1989	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
103	Phan Văn Tính	25/10/1984	7.7	8.0		8.7		9	Đạt
104	Lê Thị Bích Trâm	22/10/1979	8.0	8.2		8.7		9	Đạt
105	Nguyễn Thị Trang	17/07/2025	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
106	Hoàng Thị Minh Trang	20/10/2002	8.0	7.8		7.7		9	Đạt
107	Võ Thị Thùy Trang	05/03/2003	7.7	7.8		8.2		9	Đạt
108	Châu Thị Việt Trinh	29/08/1992	0.0	0.0		0.0		9	Không đạt
109	Nguyễn Thị Tú Trinh	13/06/1983	8.0	8.0		8.5		9	Đạt
110	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	27/04/1993	8.0	8.0	9.2	8.2	7.5	16	Đạt
111	Huỳnh Thị Thủy Trinh	28/08/1976	7.3	8.5		8.5		9	Đạt

ĐẠT
NG

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	Tâm lý học đại cương	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD	Giáo dục học đại cương		
112	Nguyễn Thị Việt Trinh	25/07/1992	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	16	Không đạt
113	Trần Thanh Tuyền	22/02/1989	7.3	8.0			8.5	9	Đạt
114	Trần Thị Thanh Tuyền	27/07/1989	7.3	8.0			8.5	9	Đạt
115	Nguyễn Thị Tuyết	04/03/1989	8.0	8.0			8.7	9	Đạt
116	Hà Thị Ánh Tuyết	10/06/1989	8.0	8.3			8.7	9	Đạt
117	Y Uôn	16/07/1992	7.7	7.2			8.0	9	Đạt
118	Nguyễn Đặng Tố Uyên	19/05/1998	8.0	8.0			8.0	9	Đạt
119	Vũ Thị Thảo Uyên	28/08/1998	8.0	8.0			8.2	9	Đạt
120	Tô Thanh Vân	08/08/2003	8.0	7.7			8.5	9	Đạt
121	Nguyễn Hồng Viễn	23/05/1995	0.0	0.0	0.0		0.0	16	Không đạt
122	Dương Phú Tuấn Vỹ	22/03/1983	8.0	7.7			8.8	9	Đạt
123	Huỳnh Anh Vũ Vy	08/03/1992	8.0	8.0			8.0	9	Đạt
124	Yuangyayia Xola	24/09/1994	7.7	7.7			8.2	9	Đạt
125	Triệu Thị Kim Xuyên	06/04/1995	0.0	0.0			0.0	9	Không đạt

Ấn định danh sách có 125 học viên. Trong đó:

- Đạt: 105
- Không đạt: 20

LẬP BẢNG

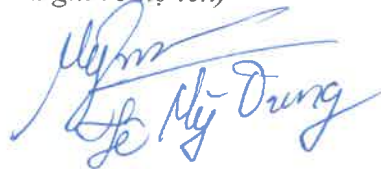
(Kí và ghi rõ họ tên)



Văn Thị Ngọc Trâm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Đức Mạnh